

THÔNG BÁO KẾT QUẢ LỰA CHỌN TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN

Căn cứ Điều 98 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ quy trình lựa chọn tổ chức thẩm định giá, đấu giá tài sản để thi hành án dân sự (Ban hành kèm theo Quyết định số 1079/QĐ - TCTHADS ngày 25 tháng 12 năm 2020 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự);

Căn cứ Thông báo số 13/TB - TCTHADS ngày 16 tháng 01 năm 2023 về việc ban hành danh sách tổ chức thẩm định giá tài sản đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật để cơ quan Thi hành án dân sự lựa chọn trong quá trình tổ chức THADS;

Căn cứ Quyết định về việc cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản số 14/QĐ-CCTHADS ngày 14/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Biên bản kê biên, xử lý tài sản ngày 07/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Nghi Sơn, Thanh Hóa;

Căn cứ Biên bản thỏa thuận về lựa chọn tổ chức thẩm định giá ngày 07/7/2023 của các bên đương sự;

Căn cứ vào quy định của pháp luật và sự lựa chọn tổ chức thẩm định giá của các bên đương sự, các tiêu chí đánh giá chấm điểm đối với các tổ chức thẩm định giá tài sản thì Công ty Cổ phần thẩm định giá và Giám định Tiên Phong (TPV) - Chi nhánh Thanh Hóa đáp ứng được điều kiện theo quy định của pháp luật.

I. KẾT QUẢ LỰA CHỌN

1. Tên, địa chỉ tổ chức thẩm định giá được lựa chọn: Công ty Cổ phần thẩm định giá và Giám định Tiên Phong (TPV) - Chi nhánh Thanh Hóa
Địa chỉ: Số 22/661 đường Nguyễn Trãi, phường Phú Sơn, Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

2. Tổng số điểm của các tổ chức thẩm định giá tài sản được lựa chọn: 93

3. Tổ chức thẩm định giá tài sản bị từ chối xem xét, đánh giá hồ sơ kèm theo lý do từ chối (nếu có): Không

II. KẾT QUẢ CHẤM ĐIỂM (bao gồm cả tổ chức thẩm định giá tài sản được lựa chọn)

STT	Nội dung	Tiêu chí lựa chọn	Điểm chuẩn	Điểm đạt được	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Tổng		100	93	
I	Năng lực pháp lý (tối đa 15 điểm)*		15	14	

STT	Nội dung	Tiêu chí lựa chọn	Điểm chuẩn	Điểm đạt được	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Là doanh nghiệp thẩm định giá được đăng ký hoạt động theo Luật doanh nghiệp và thuộc danh sách công bố của Bộ Tài Chính đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá	Có 02 chi nhánh trở lên	5	5	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp; - Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá; - Thông báo của Bộ Tài chính về việc điều chỉnh Danh sách doanh nghiệp thẩm định giá và danh sách thẩm định viên về giá đủ điều kiện hoạt động thẩm định giá tài sản hàng năm
		Chỉ có 01 chi nhánh	4		
		Không có chi nhánh	3		
2	Doanh nghiệp có thẩm định viên hành nghề tại doanh nghiệp đóng Bảo hiểm xã hội và được Bộ Tài chính thông báo đủ điều kiện hành nghề	Trên 07 Thẩm định viên	5		
		Từ 05 - 07 Thẩm định viên	4	4	
		Dưới 05 Thẩm định viên	3		
3	Thời gian hoạt động của doanh nghiệp thẩm định giá	Trên 05 năm	05		
		Từ 03 đến 05 năm	5	5	
		Dưới 03 năm	4		
II	Năng lực kinh nghiệm (tối đa 60 điểm)		60	60	
1	Hồ sơ thẩm định giá trong thời hạn 06 tháng gần nhất tương tự với tài sản kê biên, đã phát hành báo cáo thẩm định giá, chứng thư thẩm định giá	Trên 30 hồ sơ	15	15	
		Từ 20 đến 30 hồ sơ	14		
		Dưới 20 hồ sơ	13		
2	Mức độ tuân thủ pháp luật trong lĩnh vực thẩm định giá	Không bị xử phạt vi phạm hành chính	10	10	
		Có kết luận vi phạm nhưng chưa đến mức bị xử phạt vi phạm hành chính	9		
		Bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng đã chấp hành, khắc phục xong	8		
		Đang trong thời hạn bị xử phạt vi phạm hành chính	0		

STT	Nội dung	Tiêu chí lựa chọn	Điểm chuẩn	Điểm đạt được	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
3	Thời gian cam kết báo cáo kết quả thẩm định giá, cấp chứng thư thẩm định giá	Trước 07 ngày, từ thời điểm ký kết hợp đồng dịch vụ thẩm định giá	5	5	
		Từ 07 đến 15 ngày, từ thời điểm ký kết hợp đồng dịch vụ thẩm định giá	4		
		Trên 15 ngày, từ thời điểm ký kết hợp đồng dịch vụ thẩm định giá	3		
4	Thời gian cam kết giải trình khiếu nại, thắc mắc liên quan đến kết quả thẩm định giá	Tối đa 03 ngày làm việc, tính từ khi nhận được yêu cầu giải trình	10	10	
		Trong thời gian 03 đến 05 ngày làm việc	9		
		Trên 05 ngày làm việc	8		
5	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hoạt động thẩm định giá	Có hệ thống phần mềm quản lý giá đang hoạt động, có thể trích xuất dữ liệu	10	10	
		Không có phần mềm, nhưng có hệ thống quản lý tập trung cơ sở dữ liệu	9		
		Không có phần mềm	0		
6	Kết quả đánh giá chất lượng hoạt động thẩm định giá hàng năm liền kề của doanh nghiệp thẩm định giá do Bộ Tài chính công bố	Từ 80 điểm trở lên	10	10	
		Từ 70 điểm đến dưới 80 điểm	9		
		Từ 60 điểm đến dưới 70 điểm	8		
III	Năng lực tài chính		15	14	
1	Có biểu giá dịch vụ cố định được ban hành công khai trên Website của công ty		5	5	
2	Có cam kết về biểu phí thẩm định giá theo các tiêu chí dưới đây	Thấp nhất trong số các hồ sơ đăng ký	5	5	
		Thấp nhất thứ 2	4		
		Thấp nhất thứ 3	3		
		Thấp nhất thứ 4	2		

STT	Nội dung	Tiêu chí lựa chọn	Điểm chuẩn	Điểm đạt được	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Thấp nhất thứ 5 trở đi	1		
3	Doanh thu bình quân từ dịch vụ Thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá trên báo cáo tài chính 03 năm gần nhất	Trên 5 tỷ/năm	5		
		Từ 3 - 5 tỷ/năm	4	4	
		Từ 1 - 3 tỷ/năm	3		
		Dưới 1 tỷ/năm	2		
IV	Tiêu chí khác (Doanh nghiệp mới khởi nghiệp; vai trò đóng góp xã hội của doanh nghiệp; điều kiện đặc thù của địa phương)		10	5	

Nơi nhận:

- Công thông tin điện tử Tổng cục THADS
- Trang TTĐT CTHADS tỉnh Thanh Hóa
- Lưu VT,HSTHA



CHẤP HÀNH VIÊN

Lê Trọng Thiêm